

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2019
V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Ly hôn ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;
2. Ông Phan Phước Tân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1987. (có mặt)

Cư trú: Tổ 8, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Lâm Ngọc B**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 05, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên hòa giải bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông B được gia đình mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C vào năm 2007.

Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi ông B bị tai nạn giao thông, sau khi

điều trị bệnh khỏe lại, bà cùng ông B về nhà mẹ ruột bà sống được khoảng 01 tháng thì ông B cương quyết về nhà cha ruột của ông sống. Bà thì không thể sống chung với gia đình bên chồng nên sau khi đưa ông B về sống với cha ruột thì vợ chồng bà sống ly thân nhau.

Sau khi ly thân mấy tháng đầu bà có điện thoại liên lạc với con trai bà nhưng sau đó không liên lạc được. Từ đó đến nay bà và ông B không liên lạc với nhau và cũng không hàn gắn tình cảm. Gia đình hai bên biết bà và ông B không thể tiếp tục chung sống nên cũng không hàn gắn tình cảm.

Dù ông B có về chung sống lại với bà thì bà cũng không thể nào chung sống với ông B được vì thời gian ly thân đã lâu, bà không còn tình cảm với ông B. Bà yêu cầu xin được ly hôn với ông B.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hoàng M, sinh năm 13/11/2007 và Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 30/5/2012. Hiện nay cháu M đang chung sống với ông B, cháu H bà đang nuôi dạy. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu H, còn cháu M đồng ý giao cho ông B nuôi dạy, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con và bà không cấp dưỡng nuôi cháu M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lâm Ngọc B trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của bà C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do, sau khi ông bị tai nạn, ông về bên gia đình cha mẹ ruột bà C sống nhưng khi về chung sống thì bà C bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc cho ông, hay dùng lời lẽ chửi mắng và đuổi ông nên ông kêu vợ về nhà cha ruột của ông sống. Do bà C không chịu sống bên ông nên đã bỏ đi và sống ly thân từ tháng 5/ 2016 cho đến nay không tin tức gì của bà C.

Còn đối với nguyên nhân bà C cho rằng cha chồng chửi và chị em bạn dâu bên chồng mâu thuẫn là có nhưng là chuyện vặt hàng ngày. Còn cha ông đã lớn tuổi nên tính tình thay đổi nên đôi lúc cũng có chửi bà C đó là chuyện bình thường.

Trong thời gian ly thân gia đình hai bên không liên lạc, hàn gắn tình cảm cho ông và bà C. Bản thân ông còn tình cảm với bà C nên không đồng ý ly hôn với bà C. Hiện tại ông đang làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình khoảng 7.000.000 đồng/ tháng.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà C trình bày. Hiện nay cháu M đang chung sống với ông, cháu H thì bà C đang nuôi dạy. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C thì ông yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án đã được công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà C bảo lưu ý kiến, yêu cầu đã trình bày, không có yêu cầu bổ sung, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

Ông B đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C; giao cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 30/5/2012 cho bà C nuôi dạy; giao cháu Lâm Hoàng M, sinh năm 13/11/2007 để ông B nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà C và ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân của bà C và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà C yêu cầu xin được ly hôn, ông B có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương thuộc ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang nên yêu cầu xin ly hôn của bà C được Tòa án thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, mở phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tại phiên tòa, bà C không có yêu cầu bổ sung hay giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C xin được ly hôn với ông Lâm Ngọc B, nguyên nhân chủ yếu từ việc bà C có mâu thuẫn với ông B về quan hệ vợ chồng, cũng như việc mâu thuẫn với những người thân trong gia đình của ông B. Cụ thể: Năm 2016, sau khi ông B bị tai nạn thì tình cảm vợ chồng của ông B và bà C đã không còn, bà C bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và không liên lạc gì với nhau, sự việc xảy ra cả hai gia đình cũng không động viên hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay.

Ông B không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy giữa bà C và ông B có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng đã không còn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ly thân một thời gian dài, gia đình hai bên lại không hàn gắn tình cảm để đoàn tụ dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng thêm trầm trọng.

Qua xác minh ông Lâm Phước D và bà Nguyễn Thị Bích T là người thân trong gia đình của ông B thì nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm ông B, bà C là do từ khi ông B bị tai nạn giao thông thì bà C bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc, yêu cầu ông B về nhà cha mẹ ruột bà C sống nhưng không yêu thương, chăm sóc ông B nên ông về nhà cha mẹ ruột sống, bà C cũng đi làm không rõ tin tức; gia đình hai bên cũng bỏ mặc không hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên hàn gắn tình cảm cho bà C và ông B chung sống lại với nhau nhưng bà C không đồng ý mà cương quyết ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông B đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[3] Về quan hệ con chung: : Có 02 con chung tên Lâm Hoàng M, sinh năm 13/11/2007 và cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 30/5/2012. Hiện cháu M đang sống cùng ông B còn cháu H đang sống chung với bà C. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, đồng ý giao **cháu M** cho ông B được tiếp tục nuôi còn ông B yêu cầu được nuôi cả cháu H và cháu M.

Xét thấy: Từ khi ly thân năm 2016 đến nay cháu H do bà C nuôi dạy, còn cháu M do ông B nuôi dạy điều kiện sống và tình cảm tốt. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm lý bình thường và điều kiện sống của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao cháu H cho bà C được tiếp tục nuôi và ông B được tiếp tục nuôi cháu M, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M và cũng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như sự chăm sóc, giáo dục tốt nhất cho các cháu sau khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải cũng như tòa hôm nay, bà C, ông B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét sự tự nguyện này là phù hợp với pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà C, ông B cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà C, ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông B xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lâm Ngọc B.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 105 ngày 22/11/2007 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà C được nuôi cháu Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 30/5/2012; ông Lâm Ngọc B được nuôi cháu Lâm Hoàng M, sinh ngày 13/11/2007.

Công nhận sự tự nguyện của bà C, ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà C, ông B cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2016/0011161 ngày 11/3/2019 (bà C đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2019) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng ông B thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị sang